**Bài 2. Những bí ẩn của thế giới tự nhiên**

**(Văn bản thông tin)**

**Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn trang 31**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.

- Xác định và phân tích được cấu trúc của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên.

- Xác định được cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu.

- Nhận diện và phân tích được đặc điểm và chức năng đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

- Nhận diện và viết được văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

- Thuyết trình được một tác phẩm văn học.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Em có từng tò mò về thế giới tự nhiên chưa? Em đã hình dung về thế giới tự nhiên như thế nào?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV giới thiệu:** Bài học gồm hai nội dung: khái quát chủ đề và nêu thể loại các văn bản đọc chính. Với chủ đề Những bí ẩn của thế giới tự nhiên, bài học tập trung vào một số vấn đề thiết thực, có ý nghĩa quan trọng: yêu thiên nhiên…  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng |  |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.

- Xác định và phân tích được cấu trúc của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên.

- Xác định được cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu.

- Nhận diện và phân tích được đặc điểm và chức năng đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  *-*GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  Hãy chọn một bài thơ và trả lời các câu hỏi sau để nhận biết từng yếu tố:  *+ Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên là gì?*  *+ Theo em cấu trúc của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên gồm mấy phần? Đó là những phần nào?*  *+ Văn bản có cấu trúc so sánh và đối chiếu có điểm giống và khác nhau như thế nào?*  *+Trình bày khái niệm về đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song và phối hợp.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **1. Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên**  - Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên được viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên. Kiểu văn bản này thường xuất hiện trong các tài liệu khoa học với các dạng như: giải thích trình tự diễn ra các hiện tượng tự nhiên, giải thích nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của hiện tượng tự nhiên, so sánh sự giống và khác nhau giữa các hiện tượng tự nhiên, giải thích cách tiếp cận và giải quyết một vấn đề trong thế giới tự nhiên.  - Cấu trúc của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên gồm các phần:  + Phần mở đầu: giới thiệu khái quát về hiện tượng hoặc quá trình xảy ra hiện tượng trong thế giới tự nhiên.  + Phần nội dung: giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.  + Phần kết thúc: thường trình bày sự việc cuối của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.  - Cách sử dụng ngôn ngữ: thường sử dụng từ ngữ thuộc một chuyên ngành khoa học cụ thể (địa, sinh …) động từ miêu tả hoạt động hoặc trạng thái (xoay, vỡ…), từ ngữ miêu tả trình tự (bắt đầu, kế tiếp, tiếp theo…)  **2. Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu**  - Văn bản có cấu trúc so sánh và đối chiếu trình bày điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều sự vật theo các tiêu chí so sánh cụ thể:  + So sánh và đối chiếu các đối tượng theo từng tiêu chí.  + So sánh tổng thể các đối tượng: Người viết lần lượt trình bày biểu hiện của tất cả các tiêu chí ở từng đối tượng.  - Văn bản trình bày thông tin theo cách so sánh và đối chiếu có thể sử dụng một số từ ngữ chỉ sự giống nhau (giống, mỗi, cũng…) và khác nhau (khác với, nhưng, mặt khác…) hoặc sử dụng một số kiểu sơ đồ, bảng biểu để làm rõ thông tin được so sánh, đối chiếu.  **3. Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.**  - Đoạn văn là đơn vị tạo nên văn bản, thường do nhiều cân tạo thành, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng dấu ngắt đoạn. Câu chủ đề trong đoạn văn mang nội dung khái quát, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn.  + Đoạn văn diễn dịch: là đoạn văn có câu chủ đề mang ý khái quát đứng đầu đoạn; các câu còn lại triển khai cụ thể ý của cây chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề.  + Đoạn văn quy nạp: là đoạn văn được trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát. Theo cách trình bày này, câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn.  + Đoạn văn song song là đoạn văn mà các câu triển khai nội dung song song nhau. Mỗi câu trong đoạn văn nêu một khía cạnh của chủ đề đoạn văn, làm rõ cho nội dung đoạn văn.  + Đoạn văn phối hợp: là đoạn văn có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*Xác định cách trình diễn đạt trong các đoạn văn sau:

a. Một chiếc lá rụng có linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một cảm giác riêng. Có chiếc tựa như mũi tên nhọn, từ cành cây rơi cắm phập xuống đất như cho xong chuyện, cho xong một đời lạnh lùng thản nhiên, không thương tiếc, không do dự vẩn vơ. Có chiếc lá như con chim bị lảo đảo mấy vòng trên không rồi cố gượng ngoi đầu lên, hay giữ thăng bằng cho tận tới cái giây nằm phơi trên mặt đất. Có chiếc lá nhẹ nhàng khoan khoái đùa bỡn, hay múa may với làn gió thoảng như thầm bảo rằng vẻ đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại: cả thời quá khứ dài dằng dặc của chiếc lá trên cành cây không bằng một vài giây bay lượn, nếu sự bay lượn ấy có vẻ đẹp nên thơ. Có chiếc lá như sợ hãi, ngần ngại rụt rè, rồi như gần tới mặt đất, còn cất mình muốn bay trở lại cành. Có chiếc lá đầy âu yếm rơi bám vào một bông hoa thơm, hay đến mơn trớn một ngọn cỏ xanh mềm mại.

(Khái Hưng)

b. Những đứa con từ khi sinh ra đến khi trưởng thành, phần lớn thời gian là gần gũi và thường là chịu ảnh hưởng từ người mẹ hơn từ cha. Chúng được mẹ cho bú sữa, bồng ẵm, dỗ dành, tắm giặt, ru ngủ, cho ăn uống, chăm sóc rất nhiều khi ốm đau…Với việc nhận thức thông qua quá trình bé tự quan sát, học hỏi tự nhiên hàng ngày và ảnh hưởng đặc biệt các đức của người mẹ, đã hình thành dần dần bản tính của đứa con theo kiểu “mưa dầm, thấm lâu”. Ngoài ra, những đứa trẻ thường là thích bắt chước người khác thông qua những hành động của người gần gũi nhất chủ yếu là người mẹ. Chính người phụ nữ là người chăm sóc và giáo dục con cái chủ yếu trong gia đình.

(Trần Thanh Thảo)

**Trả lời:**

a. Diễn dịch:

- Câu chủ đề: Một chiếc lá rụng có linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một cảm giác riêng.

b. Quy nạp:

- Câu chủ đề: Chính người phụ nữ là người chăm sóc và giáo dục con cái chủ yếu trong gia đình.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Viết một đọan văn ngắn (đề tài tự do) có sử dụng cách trình bày quy nạp.

**Tham khảo:**

Những chiếc điện thoại thông minh giúp ích cho chúng ta rất nhiều trong cuộc sống. Chúng không chỉ giúp chúng ta có thể liên lạc với nhau ở khoảng cách xa xôi, kết nối thông tin trên toàn thế giới mà còn giúp chúng ta tiếp cận với những kiến thức của toàn nhân loại. Thế nhưng, nó cũng đem lại cho chúng ta rất nhiều phiền toái như sự trói buộc, lệ thuộc vào điện thoại, những hệ lụy cho con trẻ như nghiện game hay internet, các thông tin đồi trụy, chưa được kiểm duyệt. **Có thể nói, điện thoại thông minh vừa mang tới lợi ích nhưng cũng mang tới nhiều tác hại cho con người.**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Bạn đã biết gì về sóng thần?**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định được cấu trúc của văn bản Bạn đã biết gì về sóng thần?

- Nhận diện và xác định được cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.

- Xác định và phân tích được đặc điểm và chức năng của đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bạn đã biết gì về sóng thần?*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bạn đã biết gì về sóng thần?*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Em đã biết gì về sóng thần? Trong tình huống nếu chẳng may gặp sóng thần, chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ mình và hỗ trợ những người xung quanh?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học *Bạn đã biết gì về sóng thần?* ngày hôm nay sẽ giúp cho chúng ta tìm hiểu thêm về thế giới tự nhiên thần bí.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được thể loại của văn bản.

- Xác định được mục đích của văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi:*  *+ Văn bản Bạn đã biết gì về sóng thần thuộc thể loại nào?*  *+ Xác định mục đích viết của văn bản trên.*  *+ Xác định cấu trúc của văn bản trên.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  - Văn bản trên thuộc thể loại: văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.  - Mục đích của văn bản là giúp cho người đọc nắm bắt và hiểu rõ hơn những thông tin về sóng thần (định nghĩa, cơ chế hình thành, nguyên nhân và dấu hiệu nhận biết sóng thần)  - Cấu trúc: 3 phần.  + Mở bài: từ đầu đến “năm 1958 cao đến 525m” - giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra hiện tuợng sóng thần.  + Nội dung: tiếp đến “khi sóng thần đến” - giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng sóng thần.  + Kết thúc: Còn lại - trình bày sự việc cuối của hiện tượng sóng thần. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được cấu trúc của văn bản Bạn đã biết gì về sóng thần.

- Nhận diện và xác định được cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.

- Xác định và phân tích được đặc điểm và chức năng của đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Sóng thần là gì?*  *+ Chúng ta có dễ dàng nhận thấy dấu hiệu báo trước của sóng thần hay không? Vì sao?*  *+ Cơ chế hình thành sóng thần diễn ra như thế nào?*  *+ Trình bày quá trình dịch chuyển của sóng thần.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Trình bày nguyên nhân hình thành sóng thần và nêu ra một số dẫn chứng.*  *+ Trình bày những dấu hiệu sắp có sóng thần.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+**Sự việc cuối cùng của hiện tượng sóng thần là gì?*  *+ Trình bày những sự việc cuối cùng của hiện tượng trong thần trong lịch sử.*  *+ Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra hiện tuợng sóng thần.***  - Sóng thần là chuỗi sóng biển chu kì dài, lan truyền với vận tốc lớn.  - Sóng thần không phải là những ngọn sóng ầm ầm, cuồn cuộn tiến về đất liền mà ta có thể mục kích và nghe được âm thanh. Ngay cả khi ngồi trên thuyển ở ngoài khơi, bạn cũng không thể biết trước sóng thần bắt đầu xuất hiện.  = > Không thể nhận thấy dấu hiệu báo trước của một đợt sóng thần.  - Cơ chế hình thành sóng thần:  + Sự thay đổi của mảng kiến tạo gây ra một trận động đất và làm dịch chuyển nước biển.  + Những con sóng được tạo ra và di chuyển ra mọi hướng trên biển, một số con sóng di chuyển nhanh.  + Khi vào vùng nước nông, những con sóng bị nén ép lại, tốc độ chậm hơn và trở nên cao hơn.  + Chiều cao của những con sóng tăng lên và những dòng biến cố có liên quan được tăng cường, tất cả đã trở thành mối đe dọa đến tính mạng và tài sản của con người.  - Quá trình dịch chuyển của sóng thần: Khi sóng thần được tạo ra ở ngoài khơi xa, sóng còn rất nhỏ và yếu vì nước quá sâu, khi sóng thần dịch chuyển trên đại dương, chiều dài từ chóp sóng trước đến chóp sóng sau có thể cách xa hàng trăm ki – lô – mét hoặc hơn và độ cao chóp sóng chỉ khoảng vài mét.  = > Sóng thần hiện nguyên hình với sức mạnh hủy diệt khi nó đển gần bờ.  ***2. Giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng sóng thần.***  - Nguyên nhân: Chủ yếu là do động đất, ngoài ra còn do núi lửa phun trào, lở đất và các vụ nổ dưới đáy biển (kể cả vị thử hạt nhân dưới nước) …  + Thảm họa sóng thần 26/12/2004 là hê quả của trận động đất do va chạm giữa mảng Ấn Độ và mảng Bơ – ma. Trận động đất với 9 độ rích-te, tâm chấn động sâu tới 10km.  - Dấu hiệu nhận biết sắp có sóng thần là:  + Dấu hiệu đầu tiên là nước biển chậm chạp cuộn lên với những con sóng không đổ, chứ không như sóng mạnh của một cơn bão sắp tới.  + Mặt biển dao động nhiều hơn bình thường, sau đó nhiều bọt biển nổi lên, nước rút xuống nhanh và bất ngờ trong khoảng thời gian không phải thủy triều.  + Hoặc có thể cảm thấy nước trong từng đợt sóng nóng bất thường và nghe thấy những âm thanh lạ.  ***3. Sự việc cuối của hiện tượng sóng thần***.  - Sự việc cuối cùng của hiện tượng sóng thần chính là các thảm họa để lại.  - Một số thảm họa sóng thần trong lịch sử là:  + Năm 365, sóng thần tại Alexandria làm hàng nghìn người thiệt mạng.  + 27/8/1883 sóng thần tai hại nhất, sau khi núi lửa Krakatoa tại Indonesia phun trào khiến 36000 người thiệt mạng trên bờ biển Gia-va và Sumatra.  + 15/6/1896 sóng thần cao 23m làm hơn 26000 người thiệt mạng trong một lễ hội tôn giáo ở Nhật Bản.  + 22/5/1960 sóng thần cao 11m làm hơn 1000 người thiệt mạng ở Chile.  +16/8/1960 hơn 5000 người chết tại vịnh Moro, Philipin  + Ngày 17/7/1998 sóng thần làm hơn 2100 người chết tại Pa-pua Niu Ghi-nê.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Văn bản giới thiệu những thông tin cơ bản về sóng thần (định nghĩa, cơ chế hình thành, nguyên nhân và dấu hiệu nhận biết sóng thần) đồng thời nêu ra một số thảm họa sóng thần lớn đã xuất hiện trong lịch sử nhân loại.  ***2. Nghệ thuật***  - Sử dụng ngôn ngữ phi vật thể giúp cho văn bản trở nên sinh động, dễ hiểu.  - Sử dụng cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu đối tượng.  - … |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Những đặc điểm nào của văn bản trên cho biết văn bản trên là văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên?*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* *Sưu tầm một văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên. Nêu mục đích và chỉ ra những đặc điểm của văn bản giúp em nhận ra mục đích ấy.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định được cấu trúc của văn bản Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?

- Nhận diện và xác định được cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.

- Xác định và phân tích được đặc điểm và chức năng của đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Em đã biết gì về sao băng?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài *học Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?* ngày hôm nay sẽ giúp cho chúng ta tìm hiểu thêm về thế giới tự nhiên thần bí.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được thể loại của văn bản.

- Xác định được nội dung của văn bản.

- Xác định được thông tin của tác giả, tác phẩm trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi:*  *+ Văn bản Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng? thuộc thể loại nào?*  *+ Xác định mục đích viết của văn bản trên.*  *+ Xác định cấu trúc của văn bản trên.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  - Văn bản trên thuộc thể loại: văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.  - Mục đích của văn bản là để người đọc cập nhật thông tin cơ bản về sao băng và mưa sao băng.  - Cấu trúc: 2 phần.  + Phần 1: Giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra sao băng và hiện tuợng mưa sao băng.  + Phần 2: Giải thích nguyên nhân diễn ra hiện tượng sao băng, mưa sao băng và sự việc cuối của hiện tượng mưa sao băng. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được cấu trúc của văn bản *Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?*

- Nhận diện và xác định được cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.

- Xác định và phân tích được đặc điểm và chức năng của đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Sao băng là gì?*  *+ Thế nào là mưa sao băng*  *+ Mỗi trận mưa sao băng theo kéo dài bao lâu?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo Phiếu học tập số 1 ***(phần phụ lục)***  *+ Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng sao băng và mưa sao băng là gì?*  *+ Chỉ ra cách thức diễn ra hiện tượng sao băng và mưa sao băn.*  *+ Trình bày một số sự việc cuối của hiện tượng sao băng, mưa sao băng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+**Sự việc cuối cùng của hiện tượng sóng thần là gì?*  *+ Trình bày những sự việc cuối cùng của hiện tượng trong thần trong lịch sử.*  *+ Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra sao băng và hiện tuợng mưa sao băng.***  - Sao băng thực chất là đường nhìn thấy của các thiên thạch khi chúng đi vào bầu khí quyển Trái Đất với vận tốc rất lớn (khoảng 100 000km/h).  - Mưa sao băng là hiện tượng nhiều sao băng xuất hiện đồng thời hoặc nối tiếp nhau từ chung một điểm xuất phát trên bầu trời.  - Mỗi trận mưa sao băng thường kéo dài trong nhiều ngày, tuy nhiên khoảng thời gian sao băng xuất hiện nhiều nhất lại khá ngắn và trong khoảng cực điểm ấy, số lượng sao quan sát được có thể từ 10 cho đến 100 sao hoặc nhiều hơn nữa.  ***2. Giải thích nguyên nhân diễn ra hiện tượng sao băng, mưa sao băng và sự việc cuối của hiện tượng mưa sao băng.***  - Nguyên nhân: Là do lực ma sát của không khí đốt cháy thiên thạch làm nó phát sáng khi di chuyển.  - Cách thức diễn ra: Các sao băng đều xuất phát hoặc hướng về một khu vực trên bầu trời. Khu vực đó được gọi là tâm điểm của mưa sao băng.  - Sự việc cuối của hiện tượng sao băng, mưa sao băng là:  + Mưa sao băng Quadrantids: xuất hiện từ ngày 01 đến ngày 05 tháng 1 hằng năm, cực điểm vào ngày 03 đến ngày 04 tháng 01.  + Mưa sao băng Enta Aquarids: xuất hiện từ ngày 19 tháng 4 đến ngày 28 tháng 5 hằng năm, cực điểm vào ngày 05 đến ngày 06 tháng 5.  + …  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Giải thích và trình bày cơ chế, nguyên nhân dẫn đến sao băng và mưa sao băng.  ***2. Nghệ thuật***  - Sử dụng ngôn ngữ phi vật thể giúp cho văn bản trở nên sinh động, dễ hiểu.  - Sử dụng cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu đối tượng.  - … |

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được thể loại của văn bản.

- Xác định được nội dung của văn bản.

- Xác định được thông tin của tác giả, tác phẩm trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi:*  *+ Văn bản Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng? thuộc thể loại nào?*  *+ Xác định mục đích viết của văn bản trên.*  *+ Xác định cấu trúc của văn bản trên.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  - Văn bản trên thuộc thể loại: văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.  - Mục đích của văn bản là để người đọc cập nhật thông tin cơ bản về sao băng và mưa sao băng.  - Cấu trúc: Gồm 4 phần.  - Phần 1 (từ đầu đến “trên lục địa”): giới thiệu về sao băng  - Phần 2 (tiếp đến “bão sao băng”): giới thiệu về mưa sao băng  - Phần 3 (tiếp đến “nhiều khó khăn”): Thống kê về mưa sao băng  - Phần 4 (còn lại): Chu kì của mưa sao băng |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được cấu trúc của văn bản *Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?*

- Nhận diện và xác định được cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.

- Xác định và phân tích được đặc điểm và chức năng của đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Sao băng là gì?*  *+ Thế nào là mưa sao băng*  *+ Mỗi trận mưa sao băng theo kéo dài bao lâu?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng sao băng và mưa sao băng là gì?*  *+ Chỉ ra cách thức diễn ra hiện tượng sao băng và mưa sao băn.*  *+ Trình bày một số sự việc cuối của hiện tượng sao băng, mưa sao băng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+**Sự việc cuối cùng của hiện tượng sóng thần là gì?*  *+ Trình bày những sự việc cuối cùng của hiện tượng trong thần trong lịch sử.*  *+ Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra sao băng và hiện tượng mưa sao băng.***  - Sao băng thực chất là đường nhìn thấy của các thiên thạch khi chúng đi vào bầu khí quyển Trái Đất với vận tốc rất lớn (khoảng 100 000 km/h).  - Mưa sao băng là hiện tượng nhiều sao băng xuất hiện đồng thời hoặc nối tiếp nhau từ chung một điểm xuất phát trên bầu trời.  - Mỗi trận mưa sao băng thường kéo dài trong nhiều ngày, tuy nhiên khaonrg thời gian sao băng xuất hiện nhiều nhất lại khá ngắn và trong khoảng cực điểm ấy, số lượng sao quan sát được có thể từ 10 cho đến 100 sao hoặc nhiều hơn nữa.  ***2. Giải thích nguyên nhân diễn ra hiện tượng sao băng, mưa sao băng và sự việc cuối của hiện tượng mưa sao băng.***  - Nguyên nhân: Là do lực ma sát của không khí đốt cháy thiên thạch làm nó phát sáng khi di chuyển.  - Cách thức diễn ra: Các sao băng đều xuất phát hoặc hướng về một khu vực trên bầu trời. Khu vực đó được gọi là tâm điểm của mưa sao băng.  - Sự việc cuối của hiện tượng sao băng, mưa sao băng là:  + Mưa sao băng Quadrantids: xuất hiện từ ngày 01 đến ngày 05 tháng 1 hằng năm, cực điểm vào ngày 03 đến ngày 04 tháng 01.  + Mưa sao băng Enta Aquarids: xuất hiện từ ngày 19 tháng 4 đến ngày 28 tháng 5 hằng năm, cực điểm vào ngày 05 đến ngày 06 tháng 5.  + …  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Giải thích và trình bày cơ chế, nguyên nhân dẫn đến sao băng và mưa sao băng.  ***2. Nghệ thuật***  - Sử dụng ngôn ngữ phi vật thể giúp cho văn bản trở nên sinh động, dễ hiểu.  - Sử dụng cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu đối tượng.  - … |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Những đặc điểm nào của văn bản trên cho biết văn bản trên là văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* *Sưu tầm một số những trận mưa sao băng gần đây (tên, thời gian xuất hiện, địa điểm xuất hiện và cực điểm vào thời gian nào…)*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Mưa xuân II**

(Nguyễn Bính)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định được cấu trúc của văn bản Mưa xuân II.

- Xác định và phân tích được đặc sắc nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Trong bốn mùa, em thích nhất là mùa nào? Vì sao?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Hôm nay chúng ta sẽ học bài *Mưa xuân II cảu tác giả Nguyễn Bính.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* đọc và giới thiệu về tác giả *Nguyễn Bính* và tác phẩm *Mưa xuân II.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả***  - Tên: tên khai sinh là Nguyễn Trọng Bính.  - Năm sinh: 1918 - 1966  - Quê quán: Làng Thiện Vịnh, xã Đồng Đội, Vụ Bản, Nam Định.  - 1945 - 1954: tham gia kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ.  - 1954 tập kết ra Bắc, tham gia công tác văn nghệ và làm báo.  - Mất đột ngột 20/01/1966.  - Nguyễn Bính là một người thông minh, nhạy cảm với thời đại đầy biến động, luôn muốn bảo tồn và duy trì những giá trị truyền thống của dân tộc.  - Phong cách thơ Nguyễn Bính: Nguyễn Bính là nhà thơ có hồn thơ đậm chất quê.  + Nhà thơ nhạy cảm với thời đại đầy biến động, đặc biệt là sự xáo trộn của văn chương, ông thể hiện sâu sắc nỗi day dứt không yên của tâm hồn thiết tha với những giá trị cổ truyền đang có nguy cơ bị mai một (Chân quê). Vì thế, Nguyễn Bính đã đào sâu, tích hợp và phát huy một cách xuất sắc những truyền thống dân gian trong sáng tạo Thơ mới. Thơ ông mang đậm chất quê, hồn quê trong cả nội dung và hình thức, là sự hòa quyện giữa giọng điệu quê, lối nói quê, lời quê.  - Gắn bó, thấu hiểu con người thôn quê Việt Nam.  Dù viết về hình ảnh, cảnh sắc, con người nào thì tất cả đều thắm đượm một tình quê, duyên quê, hồn quê....  - Ông làm thơ từ rất sớm (năm 13 tuổi), sáng tác nhiều thể loại (thơ, truyện thơ, chèo...).  - Các tác phẩm chính:  *Tâm hồn tôi* (1937), *Lỡ bước sang ngang*  (1940), *Mười hai bến nước*(1942), *Truyện thơ Cây đàn Tỳ bà* (1944), *Gửi người vợ miền Nam*(1955) ...  ***2. Tác phẩm***  - Mùa xuân II xuất bản năm 1958, in trong Nguyễn Bính toàn tập – NXB Hội Nhà văn 2017. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được cấu trúc của văn bản Mưa xuân II.

- Xác định và phân tích được đặc sắc nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Xác định thể thơ của bài thơ.*  *+ Tóm tắt nội dung bài thơ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  *+ Trình bày những nét đẹp độc đáo của thiên nhiên, cảnh vật xuất hiện trong bài thơ.*  *+ Chỉ ra biện pháp nghệ thuật và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.*  *+ Những hình ảnh đó khiến cho bức tranh mùa xuân hiện ra như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+**Những hình ảnh nào cho ta thấy tâm trạng và hành động của con người khi mùa xuân đến?*  *+ Những hình ảnh đấy khiến cho bức tranh mùa xuân hiện ra như thế nào?*  *+ Tác giả đã gửi gắm những tâm tư tình cảm gì qua bài thơ trên?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  - GV chuẩn kiến thức. | ***3. Đọc - kể tóm tắt***  - Thể thơ: 7 chữ  - Tóm tắt:  Mùa xuân đến, thiên nhiên và cảnh vật như đang khoác trên mình một chiếc áo mới. Vừa tươi mới sống động, vừa hào hứng e lệ trước cảnh sắc mùa xuân. Tâm trạng con người cũng hào hứng theo và đang tìm những thay đổi đặc trưng nhất của mùa xuân. Sự thay đổi lớn nhất khi mùa xuân đến chính là không khí thiên nhiên. Bầu trời như phủ một sắc trắng mờ ảo của những hạt mưa xuân, chúng đậu trên từng cành cây kẽ lá. Các ngôi làng như chìm trong sự ẩm ướt của mưa xuân, chúng mang đến không khí mát mẻ và tươi mới. Cây cối trong vườn cũng đua nhau đâm chồi nảy lộc, khoe sắc hưởng ứng mùa xuân. Đất trời thì như đang có sự chuyển biến thêm nhiều sức sống hơn, như đang báo hiệu mùa xuân thực sự đến rồi. Xa xa là những đàn cò trắng đang xếp hàng bay đi, những đoàn xe lửa thì nối đuôi nhau chở khách. Tất cả đã tạo nên một bức tranh mùa xuân nhộn nhịp và tràn đầy sức sống. Con người cũng hòa vào không khí mùa xuân khi xúng xính váy áo đi trẩy hội. Mỗi dịp xuân đến là đâu đâu cũng tưng bừng mở lễ hội, tiếng trống đánh vang lên khắp các đường làng. Tác giả đã cảm nhận mùa xuân ở tất cả mọi khía cạnh tinh tế, nhạy cảm của mình để cảm nhận mùa xuân đến một cách trọn vẹn nhất. Mùa xuân trong thơ Nguyễn Bính lúc nào cũng tràn ngập màu sắc, ngập tràn niềm vui và sự rộn ràng. Tất cả đã tạo nên một khung cảnh thiên nhiên hòa hợp với đất trời, báo hiệu một năm đầy khởi sắc.  **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Vẻ đẹp của thiên nhiên khi mùa xuân đến.***  - Thời gian: chiều ấm  - Cảnh vật:  *+ gió thoảng đưa*  *+ mưa bụi rắc thưa thưa*  *+ tơ nhện vừa giăng sợi trắng ngần*  *+ Lơ lửng mù sương phẩng phất mưa*  + …  => Thể hiện sự tươi mới sống động, vừa hào hứng e lệ trước cảnh sắc mùa xuân. Bầu trời như phủ một sắc trắng mờ ảo của những hạt mưa xuân, chúng đậu trên từng cành cây kẽ lá.  - Thiên nhiên:  *+ cây cam quýt cành giao nối*  *+ lá đón mưa*  + *Đôi bờ cỏ dauh nở hoa xanh*  *+ Bãi lạnh bờ dâu sẫm lá tơ*  *= >* Cây cối trong vườn cũng đua nhau đâm chồi nảy lộc, khoe sắc hưởng ứng mùa xuân.  - Sử dụng từ láy “tà tà”, “thưa thưa”  = > Nhấn mạnh sự e lệ của thiên nhiên.  = > Thiên nhiên như khoác trên mình một chiếc áo mới.  ***= >*** Đất trời thì như đang có sự chuyển biến thêm nhiều sức sống hơn, như đang báo hiệu mùa xuân thực sự đến rồi.  **2. Tâm trạng và hành động của con người khi mùa xuân đến.**  - Xa xa là những đàn cò trắng đang xếp hàng bay đi, những đoàn xe lửa thì nối đuôi nhau chở khách.  *+ Xe lửa về Nam chạy chạy mau*  *+ Một toán cò bay thành hàng chữ nhất*  => Tất cả đã tạo nên một bức tranh mùa xuân nhộn nhịp và tràn đầy sức sống.  - Con người cũng hòa vào không khí mùa xuân khi xúng xính váy áo đi trẩy hội. Mỗi dịp xuân đến là đâu đâu cũng tưng bừng mở lễ hội, tiếng trống đánh vang lên khắp các đường làng.  *+ Người đi trẩy hội tóc phơi trần.*  *+ Vang tiếng trống hội đình*  = > Từ hành động của con người ta thấy được tâm trạng: háo hức, hào hứng và vui mừng khi chuẩn bị đón mùa xuân của con người nơi đây.  = > Kết luận:  - Tác giả đã cảm nhận mùa xuân ở tất cả mọi khía cạnh tinh tế, nhạy cảm của mình để cảm nhận mùa xuân đến một cách trọn vẹn nhất.  - Mùa xuân trong thơ Nguyễn Bính lúc nào cũng tràn ngập màu sắc, ngập tràn niềm vui và sự rộn ràng. Tất cả đã tạo nên một khung cảnh thiên nhiên hòa hợp với đất trời, báo hiệu một năm đầy khởi sắc.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên, đất trời trong một chiều mưa xuân. Tác giả miêu tả sự sống bừng tỉnh, sinh sôi nảy nở của muôn loài qua một buổi mưa xuân.  ***2. Nghệ thuật***  - Hình ảnh thơ sinh động, mộc mạc, gần gũi, sử dụng lối nói gián tiếp.  - Sử dụng nhiều hình ảnh nhân hóa, lối nói ví von. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Cách cảm nhận của tác giả về thiên nhiên gợi cho em suy nghz gì về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên?*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* *Sưu tầm một số bài thơ viết về mùa xuân.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Thực hành tiếng Việt trang 41**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết và xác định được cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu.

- Nhận diện và phân tích được các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

- Viết được văn bản bằng cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu.

- Viết được bài/ đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức hoạt động tìm hiểu kiến thức*.*

*- Dự kiến sản phẩm*: Theo định nghĩa của từ tượng hình và tượng thanh.

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp là các cách diễn đạt gần gũi và quen thuộc nhất, hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu nó trong bài Thực hành tiếng Việt trang 41.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và xác định được cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu.

- Nhận diện và phân tích được các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu là gì?*  *+ Văn bản trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu có thể sử dụng những từ ngữ nào?*  *+ Đoạn văn là gì?*  *+ Đoạn văn diễn dịch là gì?*  *+ Đoạn văn quy nạp là gì?*  *+ Đoạn văn song song là gì?*  *+ Đoạn văn phối hợp là gì?*  - HS trả lời:  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng. | **I. Kiến thức TV**  **1. Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu**  - Văn bản có cấu trúc so sánh và đối chiếu trình bày điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều sự vật theo các tiêu chí so sánh cụ thể:  + So sánh và đối chiếu các đối tượng theo từng tiêu chí.  + So sánh tổng thể các đối tượng: Người viết lần lượt trình bày biểu hiện của tất cả các tiêu chí ở từng đối tượng.  - Văn bản trình bày thông tin theo cách so sánh và đối chiếu có thể sử dụng một số từ ngữ chỉ sự giống nhau (giống, mỗi, cũng…) và khác nhau (khác với, nhưng, mặt khác…) hoặc sử dụng một số kiểu sơ đồ, bảng biểu để làm rõ thông tin được so sánh, đối chiếu.  **2. Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.**  - Đoạn văn là đơn vị tạo nên văn bản, thường do nhiều cân tạo thành, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng dấu ngắt đoạn. Câu chủ đề trong đoạn văn mang nội dung khái quát, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn.  + Đoạn văn diễn dịch: là đoạn văn có câu chủ đề mang ý khái quát đứng đầu đoạn; các câu còn lại triển khai cụ thể ý của cây chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề.  + Đoạn văn quy nạp: là đoạn văn được trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát. Theo cách trình bày này, câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn.  + Đoạn văn song song là đoạn văn mà các câu triển khai nội dung song song nhau. Mỗi câu trong đoạn văn nêu một khía cạnh của chủ đề đoạn văn, làm rõ cho nội dung đoạn văn.  + Đoạn văn phối hợp: là đoạn văn có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn. |
| **\* NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập nhanh  **Câu 1 (trang 41 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Xác định cấu trúc của các đoạn văn sau và tìm câu chủ đề của mỗi đoạn văn (nếu có):  a. Nhiều người tin rằng, khi nhìn lên bầu trời và thấy sao băng, nếu nhanh chóng ước một điều gì đó thì điều đó chắc chắn sẽ trở thành sự thật. Một số quan niệm cho rằng, sao băng là một hình tượng đẹp và thường gắn liền với nhiều câu chuyện tình yêu.  (Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng)  b. Lúc đầu, mọi người nghĩ rằng chim di cư là để tránh cái lạnh của mùa đông, tuy nhiên, nghiên cứu gần đây đã phát hiện ra rằng điều này không hoàn toàn đúng. Những nơi mà loài chim này di cư tới so với nơi chúng sinh ra đều có khí hậu ôn đới khá tương đồng tại cùng một thời điểm. Về mặt lí thuyết, nếu chúng ở lại nơi được sinh ra vào mùa đông thì điều kiện khí hậu ở đó cũng không ảnh hưởng nhiều và chúng vẫn có thể sống sót bình thường. Vậy tại sao chúng vẫn phải thực hiện một hành trình dài để di cư hằng năm? Về vấn đề này, các nhà khoa học vẫn cảm thấy bối rối và chưa thể tìm được câu trả lời.  (Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim)  c. Một trong những hành động góp phần bảo vệ môi trường là sử dụng các sản phẩm tái chế. Chúng ta có thể tái chế giấy, nhựa, báo, thủy tinh và lon nhôm… Bằng cách tái chế một nửa số rác thải sinh hoạt, mỗi người có thể giảm khoảng 1,2 tấn khí CO2, mỗi năm vì việc đốt cháy rác thải làm tăng mức độ các-bon đi-ô-xít (carbon dioxide) trong khí quyển. Đây là tác nhân chính gây ra hiệu ứng nhà kính và sự nóng lên toàn cầu. Vì vậy, con người nên lựa chọn các sản phẩm tái chế để có thể góp phần bảo vệ môi trường.  (Theo Lan Anh tổng hợp, Mười biện pháp giảm thiểu sự nóng lên của Trái Đất,  https: kinhtemoitruong.vn, ngày 9/9/2022)  d. Bản đồ tư duy có thể đơn giản hóa những cách thức khi bạn viết. Với tư cách là một công cụ có hệ thống kích thích tư duy sáng tạo, bản đồ tư duy có thể tổ chức và hệ thống hóa những ý nghĩ lộn xộn, thiếu mạch lạc. Chính vì thế, bản đồ tư duy có thể hỗ trợ bạn xác định cần nói những gì và nói như thế nào để được hiệu quả nhất.  (1980 Books, Ứng dụng bản đồ tư duy trong học tập)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trình bày sản phẩm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Bài Tập**  **Trả lời:**  **Câu 1 (trang 41 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  a. Đoạn văn song song  b. Đoạn văn diễn dịch  c. Đoạn văn quy nạp  d. Đoạn văn phối hợp |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  **Câu 2 (trang 42 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Sắp xếp các câu dưới đây để tạo thành đoạn văn mạch lạc. Cho biết đoạn văn vừa sắp xếp thuộc kiểu đoạn văn nào mà em đã học.  (1) Khi những đợt sóng liên tiếp tràn vào các vùng vịnh, chúng bị bật ngược trở lại và gặp những đợt sóng liên tiếp theo gây ra sự cộng hưởng. (2) Hiệu ứng này có thể làm tăng sức mạnh và sự phá hủy của những đợt sóng thần lên gấp nhiều lần, khiến cho thiệt hại ở những khu vực có sự cộng hưởng lớn hơn rất nhiều so với những khu vực khác. (3) Một điểm nữa tạo nên những đợt sóng thần có sức mạnh khủng khiếp nhất đó là hiệu ứng cộng hưởng.  (Theo Sóng thần – cơn “giận dữ” của biển cả, https:// tuyenquang.gov, ngày 16/3/2022)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  - GV củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  **Câu 3 (trang 42 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Viết câu chủ đề cho các đoạn văn sau:  a…………………………………………. Khi tiếp xúc với không khí ô nhiễm trong một thời gian dài, làn da của chúng ta có nguy cơ bị lão hóa. Dấu hiệu nhận biết rõ nhất là sự xuất hiện của các đốm sắc tố và nếp nhăn trên da. Ngoài ra, ô nhiễm không khí còn là nguyên nhân gây khởi phát hoặc làm tăng nặng một số bệnh lí về da như viêm da dị ứng, viêm da cơ địa, mụn trứng cá, mề đay… Không chỉ vậy, ô nhiễm không khí còn làm cho một số bệnh về da kém đáp ứng điều trị, dễ tái phát, kéo dài và khó điều trị hơn.  (Nhóm biên soạn)  b. Trong bối cảnh nguồn nhiên liệu hóa thạch đang dần cạn kiệt vì bị khai thác quá độ như hiện nay thì việc tiết kiệm năng lượng góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Bên cạnh đó, tiết kiệm năng lượng còn giúp giảm bớt chi phí sinh hoạt cho con người. Ngoài ra, khi nhiên liệu hóa thạch được đốt cháy ít hơn thì lượng khí thải CO2 vào bầu khí quyển của Trái Đất cũng giảm đi, hạn chế sự nóng lên toàn cầu và các hiện tượng biến đổi khí hậu khác ………………………………………………..  (Nhóm biên soạn)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm: phanh phách, phành phạch…  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **Trả lời:**  **Câu 2 (trang 42 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Sắp xếp:  (3) Một điểm nữa tạo nên những đợt sóng thần có sức mạnh khủng khiếp nhất đó là hiệu ứng cộng hưởng. (2) Hiệu ứng này có thể làm tăng sức mạnh và sự phá hủy của những đợt sóng thần lên gấp nhiều lần, khiến cho thiệt hại ở những khu vực có sự cộng hưởng lớn hơn rất nhiều so với những khu vực khác. (1) Khi những đợt sóng liên tiếp tràn vào các vùng vịnh, chúng bị bật ngược trở lại và gặp những đợt sóng liên tiếp theo gây ra sự cộng hưởng.  **=** > Đoạn văn diễn dịch  **Câu 3 (trang 42 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  a. **Không khí là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến làn da của bạn.** Khi tiếp xúc với không khí ô nhiễm trong một thời gian dài, làn da của chúng ta có nguy cơ bị lão hóa. Dấu hiệu nhận biết rõ nhất là sự xuất hiện của các đốm sắc tố và nếp nhăn trên da. Ngoài ra, ô nhiễm không khí còn là nguyên nhân gây khởi phát hoặc làm tăng nặng một số bệnh lí về da như viêm da dị ứng, viêm da cơ địa, mụn trứng cá, mề đay… Không chỉ vậy, ô nhiễm không khí còn làm cho một số bệnh về da kém đáp ứng điều trị, dễ tái phát, kéo dài và khó điều trị hơn.  (Nhóm biên soạn)  b. Trong bối cảnh nguồn nhiên liệu hóa thạch đang dần cạn kiệt vì bị khai thác quá độ như hiện nay thì việc tiết kiệm năng lượng góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Bên cạnh đó, tiết kiệm năng lượng còn giúp giảm bớt chi phí sinh hoạt cho con người. Ngoài ra, khi nhiên liệu hóa thạch được đốt cháy ít hơn thì lượng khí thải CO2 vào bầu khí quyển của Trái Đất cũng giảm đi, hạn chế sự nóng lên toàn cầu và các hiện tượng biến đổi khí hậu khác. **Chính vì vậy, chúng ta cần đưa ra các giải pháp để khai thác và sử dụng hóa thạch một cách phù hợp nhất.**  (Nhóm biên soạn) |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

**Bài 1:** Xác định cấu trúc đoạn văn sau và tìm câu chủ đề của mỗi đoạn (nếu có)

a**.** “Mỗi một chiếc lá rụng xuống đều có linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một thứ cảm giác riêng. Có chiếc tựa như 1 mũi tên nhọn, từ cành cây rơi cắm phập xuống mặt đất như cho xong chuyện, cho xong một đời lạnh lùng thản nhiên, không có thương tiếc, không do dự vẩn vơ. Có chiếc lá lại như con chim bị lảo đảo mấy vòng trên không trung rồi cố gượng ngoi đầu lên hay giữ thăng bằng cho tới tận cái giây phút nằm phơi trên mặt đất. Có chiếc lá lại nhẹ nhàng khoan khoái đùa bỡn, múa may với làn gió thoảng như thầm nói rằng vẻ đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại mà thôi. Cả thời quá khứ dài dằng dặc của 1 chiếc lá trên cành cây cũng không bằng một vài giây được bay lượn, nếu sự bay lượn ấy có vẻ đẹp đầy nên thơ. Có chiếc lá dường như đang sợ hãi, ngần ngại rụt rè, rồi khi gần tới mặt đất còn cố cất mình muốn bay trở lại cành. Có chiếc lá lại đầy âu yếm rơi bám vào một bông hoa thơm hay đến mơn trớn một ngọn cỏ xanh tươi mềm mại.*”*

b. Để có được cuộc sống ấm no hạnh phúc như ngày hôm nay là nhờ công lao vô cùng to lớn của các vị Vua Hùng cũng như biết bao chiến sĩ đã hi sinh mồ hôi xương máu cho dân tộc. Vào mỗi dịp lễ lớn, đất nước luôn ghi nhớ công ơn và nhắc nhở người dân nhất đặc biệt là các thế hệ trẻ trước công lao của các vị anh hùng dân tộc. Điển hình như các ngày Giỗ tổ Hùng Vương, ngày thương binh liệt sĩ hàng năm… Không chỉ vậy, với những người có ơn, có công dạy dỗ hay giúp đỡ cũng được mọi người quý trọng và tỏ lòng biết ơn sâu sắc. Hiện nay các hoạt động như đền ơn đáp nghĩa, ghi nhớ công lao hay dọn dẹp vệ sinh mộ thương binh, thăm mẹ già neo đơn,… đã được diễn ra thường xuyên hơn trên mọi miền tổ quốc. Có thể thấy uống nước nhớ nguồn chính là đạo lý cao đẹp muôn đời của nhân dân Việt luôn được gìn giữ và phát huy tới tận ngày nay.

**Trả lời:**

a. Đoạn văn diễn dịch: **“*Mỗi một chiếc lá khi rụng xuống đều có linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một thứ cảm giác riêng*.”**

b. Đoạn văn quy nạp: ***Có thể thấy uống nước nhớ nguồn chính là đạo lý muôn đời của nhân dân Việt, luôn được gìn giữ và phát huy tới tận hiện tại”.***

**Bài 2. [Câu 4 (trang 20 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):]** Viết đoạn văn (khoảng sáu đến tám câu) trình bày vai trò của máy vi tính đối với cuộc sống của chúng ta hiện nay. Xác định cấu trúc của đoạn văn đó.

**Tham khảo:**

Máy tính có rất nhiều lợi ích khác nhau và có rất nhiều công dụng giúp học sinh thông minh hơn, học giỏi hơn và sau đây tôi xin nêu một số lợi ích của máy tính. Lợi ích 1 "máy tốc độ cao" Máy tính có thể thực hiện các tác vụ thông thường với tốc độ nhanh hơn con người. Họ có thể thực hiện các phép tính phức tạp trong vài giây. Ví dụ, giáo viên có thể sử dụng máy tính để nhanh chóng lập danh sách điểm của học sinh thay vì lập bằng tay. Lợi ích "độ chính xác" thứ hai khi một việc gì đó được thực hiện thủ công luôn có khả năng xảy ra lỗi do con người. Máy tính có thể được sử dụng để thực hiện công việc theo cách đảm bảo độ chính xác khi dữ liệu đầu vào là chính xác. Tự động hóa: Có thể ra lệnh cho máy tính tự động thực hiện các tác vụ phức tạp.

= > Đoạn văn diễn dịch

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim**

Đỗ Hợp tổng hợp

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được thể loại của văn bản

- Xác định được bố cục của văn bản.

- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Chái bếp.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Chái bếp.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương con người, yêu thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Em có từng tò mò về giống loài và cách sống của những chú chim hay không? Em hãy thử hình dung cuộc sống của những chú chim đó.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học *Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim* ngày hôm nay sẽ giúp cho chúng ta tìm hiểu và khám phá kĩ hơn về thế giới của các loài chim.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi:*  *+ Văn bản Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim thuộc thể loại nào?*  *+ Xác định mục đích viết của văn bản trên.*  *+ Xác định cấu trúc của văn bản trên.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  - Văn bản trên thuộc thể loại: văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.  - Mục đích của văn bản là để người đọc cập nhật thông tin về việc di cư của các loài chim theo mùa.  - Cấu trúc: 2 phần.  + Phần 1: Từ đầu đến “phong phú hơn”: Giải thích vì sao chim có tập tính di cư.  + Phần 2: Còn lại: Lí giải việc chim di cư theo đội hình. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được cấu trúc của văn bản *Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim.*

- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  + *Thời gian và chiều chim di cư?*  *+ Ban đầu người ta cho rằng chim di cư là để làm gì?*  *+ Vậy chim di cư vì lí do gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Chim di cư bay theo đội hình nào?*  *+ Nguyên nhân nào khiến những loài chim bay theo đội hình ấy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Giải thích vì sao chim có tập tính di cư.***  - Chim di cư vào mùa đông mỗi năm, theo chiều bắc nam giữa nơi sinh sản và nơi trú đông cách xa hàng ngàn hoặc thâm chí hàng chục ngàn ki-lô-mét.  - Ban đầu, mọi người nghĩ rằng chim di cư là để tránh cái lạnh của mùa đông.  - Lí do di cư của loài chim là vì tình trạng thiếu lương thực xảy ra ở một số khu vực trong thời tiết lạnh, buộc chúng phải rời khỏi nhà, di chuyển đến những khu vực có nhiệt độ cao và lượng thức ăn phong phú hơn.  ***2. Lí giải việc chim di cư theo đội hình.***  - Chim di cư bay theo đội hình chữ V.  - Nguyên nhân:  + Đội hình chữ V được xem là đội hình tối ưu về mặt khí động lực học, con chim bay ở đầu mũi tên hay hình chữ V thường là chim đầu đàn và khỏe hơn hẳn những con phía sau.  + Khi bay theo đội hình chữ V, các chú chim thường tận dụng luồng không khi di qua cánh: luồng khí hướng lên từ phía dưới lên mép sau của đôi cánh giữ cho chúng ở trên không trung mà không phải quạt cánh vất vả.  + Khi bay, con chim đầu đàn vỗ cánh làm cho không khí hai bên cánh chuyển động, luồng khí này truyền ra sau. Những con phía sau sẽ nhận luồng khí có lợi từ con đầu đàn và giảm thiểu luồng khí hướng xuống bất lợi nhằm hạn chế việc hao tốn sức lực trong thời gian dài.  + Ngoài ra việc bay hình chữ V còn giúp đàn chim giữ liên lạc tốt hơn vì những con chim bay sau sẽ dễ dàng nhìn thấy con chim phía trước = > không bị lạc đàn khi chim đầu đàn ra tín hiệu dừng nghỉ hoặc đổi hướng bay.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Giải thích lí do loài chim có tập tính di cư và trả lời câu hỏi tại sao loài chim khi di cư lại bay theo đội hình.  ***2. Nghệ thuật***  - Sử dụng ngôn ngữ phi vật thể giúp cho văn bản trở nên sinh động, dễ hiểu.  - Sử dụng cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu đối tượng.  - … |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lười: Vẽ sơ đồ tư duy về nội dung văn bản đã học.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Viết bài văn phân tích cảm xúc của tác giả qua bài thơ Chái bếp của Lý Hữu Lương.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận diện và viết được bài thơ đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm;

- HS viết được bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Em đã học những văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên nào? Liệt kê?*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ:*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học các bước để *viết văn bản* *thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu một số điểm cần lưu ý khi viết một bài văn**

**a. Mục tiêu:** Xác định được một số điểm cần lưu ý khi viết một bài văn

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + *Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên là gì?*  *+ Theo em khi viết một văn bản thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên chúng ta cần lưu ý gì?*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1.* *Khái niệm:***  Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thuộc kiểu văn bản thông tin, được viết để cung cấp thông tin cho người đọc về nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên.  ***2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản:***  - Giới thiệu khái quát hiện tượng tự nhiên cần giải thích.  - Giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.  - Trình bày thông tin theo một số kiểu cấu trúc như: trật tự thời gian, mức độ quan trọng của đối tượng, mối quan hệ nhân quả hoặc so sánh, đối chiếu.  - Có thể dùng thông tin chi tiết, đề mục và các dấu hiệu hình thức (in đậm, in nghiêng, số thứ tự…) để làm nổi bật thông tin quan trọng.  - Có thể sử dụng kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh…) để minh họa và làm nổi bật thông tin quan trọng.  - Trình bày mạch lạc, thuyết phục, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.  - Cấu trúc thường gồm ba phần:  + Phần mở đầu: Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên muốn giải thích.  + Phần nội dung: giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.  + Phần kết thúc: có thể trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích. |

**Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các viết bài văn.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV hướng dẫn HS tìm hiểu và phân tích bài Nhật thực và nguyệt thực khác nhau như thế nào? (Theo Nhật thực và nguyệt thực khác nhau như thế nào?)**  - GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi:  *Câu 1:**Xác định bố cục của bài viết và nội dung chính của từng phần.*  *Câu 2: Các đề mục có mối quan hệ như thế nào với nhan đề? Nhận xét về hình thức trình bày nhan đề, các đề mục và tác dụng của chúng.*  *Câu 3: Tác giả in đậm những từ ngữ nào? Mục đích in đậm là gì?*  *Câu 4: Tác giả chủ yếu chọn cách trình bày thông tin như thế nào trong bài viết trên? Dựa vào đâu em có thể xác định được như vậy? Hiệu quả của cách trình bày đó là gì?*  *Câu 5: Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ của bài viết.*  *Câu 6: Bài viết đã sử dụng loại phương tiện phi ngôn ngữ nào? Chỉ ra hiệu quả và cách thức trình bày của loại phương tiện ấy trong văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\*NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em khi viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên chúng ta cần thực hiện theo mấy bước? Là những bước nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | ***2. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản***  ***Câu 1:***  - Bố cục 3 phần:  + Phần mở đầu: Giới thiệu chung về hiện tượng tự nhiên muốn giải quyết.  + Phần nội dung: Giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.  + Phần kết bài: Tóm tắt nội dung đã giải thích.  ***Câu 2:***  - Các đề mục có mối liên hệ bổ sung chặt chẽ với nhan đề.  - Hình thức trình bày nhan đề và các đề mục: rõ ràng, dễ hiểu.  = > Tác dụng: giúp giải thích và diễn giải nội dung nhan đề muốn nhắc đến.  ***Câu 3:***  - Tác giả in đậm những từ ngữ: “nhật thực”, “nguyệt thực”.  = > Mục đích: nhấn mạnh và làm nổi bật nội dung văn bản muốn đề cập.  ***Câu 4:***  - Tác giả chủ yếu chọn cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh, đối chiếu.  Dựa vào các từ ngữ: “Tuy nhiên”, “sự khác nhau”.  = > Cách trình bày nhằm giúp cho người đọc, người nghe hiểu rõ và xác định chính xác đối tượng cần tìm hiểu, tránh sai lệch hiểu nhầm thông tin.  ***Câu 5:***  - Từ ngữ được sử dụng trong bài viết thuộc các từ ngữ chuyên ngành môn thiên văn học, dễ nghe, dễ hiểu và gần gũi với đời sống thường ngày.  ***Câu 6:***  Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng: Hình ảnh  = > Giúp cho người đọc dễ hình dung và phân biệt được hai hiện tượng nguyệt thực và nhật thực được nhắc đến trong bài.  ***3. Hướng dẫn quy trình viết***  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  - Đọc kĩ đề bài và xác định vấn đề, kiểu bài, độ dài của bài viết.  - Xác định mục đích viết, người đọc và mong đợi của họ về bài viết.  - Chọn nội dung trình bày và cách viết phù hợp.  - Tìm đọc tư liệu về hiện tượng tự nhiên mà em muốn giải thích trên Internet, tạp chí… hoặc tham khảo ý kiến của các nhà nghiên cứu.  - Tìm hiểu yêu cầu của các cuộc thi, các tờ báo, trang web mà bài viết cần đáp ứng.  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  - Đọc kĩ tư liệu về hiện tượng tự nhiên mà em sẽ giải thích, đánh dấu những thông tin quan trọng…  - Ghi chép thông tin về hiện tượng tự nhiên trong quá trình đọc:  + Tên hiện tượng  + Thông tin về hiện tượng  + Kết quả của hiện tượng  - Dựa trên bố cục của bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên và phiếu ghi chép, lập sơ đồ dàn ý cho bài viết.  + Phần mở đầu: Nêu tên hiện tượng tự nhiên  Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên  + Phần nội dung: Giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.  + Phần kết thúc: trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung đã giải thích.  **Bước 3: Viết bài**  - Triển khai bài viết dựa trên dàn ý. Khi viết chú ý:  + Đảm bảo cấu trúc ba phần của bài viết  + Đặt nhan đề giới thiệu tên của hiện tượng tự nhiên thu hút sự chú ý của người đọc.  + Tóm tắt thông tin quan trọng của từng đoạn/ phần bằng hệ thống các đề mục.  + Có thể đặt một số câu hỏi ở phần mở đầu và trả lời cho những câu hỏi đó ở các phần tiếp theo của bài viết tạo sự mạch lạc thu hút người đọc.  + Kết hợp các cách trình bày thông tin khác nhau: in đậm/ in nghiêng/ gạch chân… để làm nổi bật thông tin quan trọng.  **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  - Dùng bảng kiểm bên dưới để kiểm tra chất lượng bài viết:  Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên   |  | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | --- | --- | --- | --- | | Phần mở đầu | Nêu tên của hiện tượng tự nhiên |  |  | | Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên |  |  | | Phần nội dung | Giải thích nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của hiện tượng tự nhiên. |  |  | | Trình bày trình tự diễn ra của hiện tượng tự nhiên |  |  | | Phần kết thúc | Trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung đã giải thích. |  |  | | Hình thức | Có nhan đề và các đề mục, các đề mục nêu được thông tin chính của phần/ đoạn bài viết. |  |  | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Học sinh sưu tầm một số bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

- HS nhận nhiệm vụ

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV yêu cầu HS:**

**Đề bài (trang 49 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Trường em tổ chức tuần lễ “Nhà khoa học tương lai” để học sinh tìm hiểu về những bí ẩn của thế giới tự nhiên. Em hãy viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên mà bản thân quan tâm để tham gia tuần lễ này.

***Bài viết tham khảo:***

**Những điều cần biết về hiện tượng băng tan?**

Hiện nay bên cạnh việc đối mặt với sự ô nhiễm trầm trọng của môi trường hay hiện tượng hiệu ứng nhà kính… thì Trái Đất của chúng ta còn đang phải đối mặt với một hiện tượng đáng lo ngại nữa đó chính là hiện tượng băng tan ở cả 2 cực (Bắc cực và Nam cực). Biến đổi khí hậu trên trái đất khiến băng tan nhanh chóng và mực nước biển dâng cao. Việc này vô cùng nghiêm trọng. Thậm chí có thể khiến nhiều thành phố ven biển biến mất. Trong đó có cả những thành phố thuộc Việt Nam.

**Nguyên nhân của hiện tương băng tan**

**Nguyên nhân tự nhiên**

Trái Đất nóng lên toàn cầu là do việc phát thải lượng lớn khí metan quá mức cho phép ở ngưỡng giới hạn nhất định từ Bắc Cực và các vùng đất ẩm ướt. Mà khí metan chính là loại khí nhà kính giữ nhiệt.

Hiện tượng núi lửa phun trào cũng là một trong những nguyên nhân gây ra hiện tượng băng tan. Bởi với khối lượng hàng tấn tạo thành tro bụi mỗi lần phun trào. Đây chính là 1 trong những nguyên nhân làm cho khí hậu nóng lên toàn cầu.

Đặc biệt, khi nhiệt độ trung bình của Trái Đất nóng lên thì sẽ làm cho lượng băng ở Nam Cực và Bắc Cực tan ra. Khi lượng băng tan thì sẽ làm lộ ra lớp băng CO2 vĩnh cửu. Lớp băng này sẽ bặt đầu tham gia vào quá trình tuần hoàn CO2 trên Trái Đất. Khi đó, cây xanh sẽ ngày càng ít đi, không có khả năng để điều hòa lượng khí CO2. Vì lượng khí lúc này đã quá tải, vượt quá mức giới hạn của tự nhiên nên Trái Đất càng ngày càng nóng lên. Và cuối cùng lại lặp lại một chu kì như trên.

**Nguyên nhân nhân tạo**

Nguyên nhân gây ra hiện tượng trên chủ yếu là do con người. Con người hoạt động công nghiệp xả khí thải ra môi trường, hoạt động giao thông, chặt phá rừng bừa bãi, làm khí hậu toàn cầu bị biến đổi. Các khí nhà kính bị tích lũy quá nhiều mà chủ yếu là metan và CO2. Theo đó, những khí này khi thải vào khí quyển sẽ ngăn bức xạ mặt trời phản xa ra ngoài làm cho nhiệt độ trái đất tăng lên. Một số nguyên nhân cụ thể như:

- Quá trình công nghiệp hóa

+ Do sự phát triển nhanh chóng như vũ bão của khoa học công nghệ. Cùng sự phát triển của nền kinh tế nên nhiều nhà máy xả thải trực tiếp và phun khí thải vào môi trường. Số lượng phương tiện từ xe cộ (xe máy, xe đạp, ô tô…) cũng đã thải ra một lượng lớn khí CO2.

+ Các hoạt động đốt cháy nhiên liệu hóa thạch (dầu, khí đốt, than đá…). Cùng các loại khí thải khác nên lượng nhiệt bị giữ lại ở bầu khí quyển.

+ Khi lượng khí CO2 có nhiều trong bầu khí quyển do ánh nắng Mặt Trời chiếu vào. Làm tăng nhiệt độ của bề mặt Trái Đất.

- Rừng bị tàn phá

+ Nếu như khí CO2 thải ra thì theo quy luật tự nhiên sẽ được cây xanh quang hợp. Để cung cấp lượng oxi cần thiết cho con người. Tuy nhiên, số lượng cây xanh đã bị tàn phá hết nên đã không thể phân giải hết lượng khí CO2 trong môi trường. Khiến cho Trái Đất càng ngày càng nóng lên rõ rệt.

+ Diện tích rừng bị tàn phá ngày càng rộng nên tia nắng Mặt Trời chiếu xuống Trái Đất không có tầng lá xanh của cây chặn lại. Nên khi chiếu xuống mặt đất sẽ hình thành nên những vùng đất khô cằn, nóng như hoang mạc. Mùa mưa không có rừng để giữ nước lại nên sẽ gây lũ lụt còn mùa khô thì xảy ra hạn hán.

Điều đó gây nên những thay đổi về khí hậu làm ảnh hưởng rất nhiều đến môi trường sống, bầu khí quyển và khí hậu nói chung. Không những thế nó còn làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái. Và tác động trực tiếp đến đời sống của con người.

**Hậu quả khi băng tan**

- Biến đổi khí hậu

Khoảng hàng trăm triệu tấn khí mêtan, đang bị nhốt dưới tầng đóng băng vĩnh cửu ở Bắc Cực. Một trong những mối lo ngại lớn nhất là: hiện tượng băng tan vào mùa hè ở biển Bắc Cực, và nhiệt độ gia tăng nhanh chóng trên toàn bộ khu vực, sẽ làm cho lượng khí mêtan không lồ đang bị mắc kẹt có thể bất ngờ phát thải vào khí quyển, dẫn đến sự biến đổi khí hậu (trên phạm vi toàn cầu) nhanh chóng và nghiêm trọng.

- Nắng nóng kéo dài

Các đợt nắng nóng kéo dài khiến đất đai khô cằn, gây ra tình trạng khan hiếm nước sạch, cháy rừng lan rộng mất kiểm soát, bão bụi và lũ quét. Ở nhiều nơi trên thế giới, việc thiếu nước dẫn tới bệnh dịch nghiêm trọng. Trái lại, mưa lớn khiến sông hồ tràn nước, phá hủy nhà cửa. Làm nguồn nước uống nhiễm bẩn, rác thải lan tràn và không khí ô nhiễm. Đồng thời, điều kiện nóng ẩm cũng tạo thuận lợi cho bệnh dịch lây lan qua nước và thức ăn phát triển.

- Ảnh hưởng tới tàu thuyền qua lại trên biển

Hiện tượng băng tan sẽ tạo nên những tảng băng lớn. Làm ảnh hưởng tới tàu thuyền qua lại. Khi các con thuyền đi trên biển va phải các tảng băng trôi cò kích thước lớn sẽ làm tàu bị hư hỏng nặng. Thậm chí có thể bị nhấn chìm.

- Mực nước biển dâng cao

Các nhà khoa học đã tính toán rằng, khi toàn bộ băng trên hành tinh tan chảy vì biến đổi khí hậu. Mực nước biển sẽ tăng lên 65m. Có thể dẫn đến hiện tượng “biển lấn” – nước biển xâm nhập sâu vào trong đất liền. Dẫn đến tình trạng các vùng đất ven biển, ven sông nhiễm mặn ngày càng nhiều. Đặc biệt, nó còn thiếu cả nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt. Hơn nữa các đảo, quần đảo và các vùng ven biển cũng có thể sẽ bị nhấn chìm, con người sẽ mất đất, mất nhà.

Bên cạnh đó, nước biển cũng có độ axit cao hơn, phần lớn là do hấp thụ khí thải. Nếu nồng độ này tiếp tục tăng lên, hệ sinh vật dưới biển sẽ phải đối mặt với nguy cơ diệt vong lớn. Nhất là các loài có vỏ hoặc xương như thân mềm, cua, san hô,…

- Ảnh hưởng tới dộng vật

Nhiệt độ trái đất hiện nay đang làm cho các loài sinh vật biến mất hoặc có nguy cơ tuyệt chủng. Do mất môi trường sống vì đất bị hoang hóa, do nạn phá rừng và do nước biển ấm lên. Khoảng 50% các loài động thực vật sẽ đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng vào năm 2050. Nếu nhiệt độ trái đất tăng thêm từ 1,1 đến 6,4 độ C nữa. Ví dụ như là loài cáo đỏ, trước đây chúng thường sống ở Bắc Mỹ thì nay đã chuyển lên vùng Bắc cực.

- Tác động của băng tan tới con người

Và con người cũng không thể nào tránh được những hậu quả mà chính họ góp phần tạo nên. Ví dụ như bệnh dịch, thiên tai, mùa màng thất bát,… Chúng đã, đang và sẽ ảnh hưởng tới đời sống của nhân loại. Nhân loại sẽ phải đối mặt với khó khăn lớn đe dọa tới sự sống trên Trái Đất.

*- GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm,**

**trình bày lại nội dung đó**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS tóm tắt được nội dung chính trong thảo luận nhóm

- HS trình bày được nội dung trong cuộc thảo luận.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS xem lại bài viết.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành Nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị trước khi nghe**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định nội dung nghe.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nghe và trình bày.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **1. Trước khi nghe**  **a. Chuẩn bị**  **b. Thảo luận** |

**Hoạt động 2: Nghe và tóm tắt**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng nghe và tóm tắt lại nội dung người khác trình bày.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIÊN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu;  - HS lắng nghe và tóm tắt nội dung.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe và tóm tắt nội dung.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **2. Hướng dẫn nghe**  **Bước 1: Chuẩn bị nghe**  - Tìm hiểu kĩ về đề tài thảo luận, trao đổi của nhóm.  - Liệt kê những gì em đã biết và muốn biết thêm về đề tài này  - Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép.  **Bước 2: Lắng nghe và nắm bắt nội dung chính**  - Tập trung lắng nghe nội dung trao đổi giữa các thành viên trong nhóm  - Tránh ngắt lời người nói  - Tìm kiếm những dấu hiệu ngôn ngữ để nắm bắt nội dung chính của người nói.  - Quan sát nét mặt, cử chỉ, ánh măt, lắng nghe giọng điệu của người nói để hiểu quan điểm của họ về vấn đề đang trao đổi.  - Ghi ngắn gọn những vấn đề có nhiều ý kiến trao đổi, những vấn đề nhóm đã hoặc chưa thống nhất bằng từ khóa, cụm từ, kí hiệu…  - Ghi tóm tắt ý kiến/ quan điểm cá nhân, những vấn đề cần trao đổi thêm với nhóm.  **Bước 3: Trình bày lại những nội dung chính đã trao đổi, thảo luận**  - Xác định lại với các thành viên trong nhóm về nội dung đã tóm tắt, ghi chép và điều chỉnh.  - Xác định rõ mục đích, người nghe, không gian và thời gian trình bày lại nội dung của cuộc trao đổi, thảo luận.  - Đọc lại, sắp xếp các nội dung đã ghi chép theo một trình tự hợp lí để thuận tiện cho việc trình bày và phản ánh chính xác, đầy đủ nội dung cốt lõi, mối tương quan giữa các ý kiến của cuộc trao đổi, thảo luận. |

**Hoạt động 3: Tóm tắt nội dung đã nghe**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **3. Sau khi nói** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS vận dụng bài tập;

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Ôn tập**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Kiến thức về cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.

- Kiến thức về cấu trúc đoạn văn.

**2. Về năng lực:**

- Xác định được cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.

- Xác định và phân tích được đặc điểm và chức năng của đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu thương con người và yêu thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung các bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

**GV** tổ chức trò chơi “Chiếc nón kì diệu”

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

- Xác định được kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**GV tổ chức trò chơi “Chiếc nón kì diệu”

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV chiếu hình ảnh, hướng dẫn luật chơi.

- HS quan sát, lắng nghe & trả lời câu hỏi.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tham gia trò chơi dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV.

 -Quan sát câu hỏi, suy nghĩ trả lời nhanh.

GV hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe.

- Theo dõi Hs trả lời, ghi điểm.

**B3: Báo cáo thảo luận**

**HS**:

- Trả lời câu hỏi của GV.

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét (hoạt động trò chơi của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động ôn tập.

- Viết tên bài học, nêu mục tiêu chung của bài học và chuyển dẫn tri thức Ngữ văn.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  Hoàn thành bảng danh sách các kiến thức đã học ở bài 1.  + Trình bày các tiêu chí so sánh cáchtrình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu.  + Đoạn văn là gì?  + Trình bày khái niệm của cấu trúc đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.  - HS nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức chuyển sang hoàn thiện phiếu học tập số 2.  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **1. Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu**  - Văn bản có cấu trúc so sánh và đối chiếu trình bày điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều sự vật theo các tiêu chí so sánh cụ thể:  + So sánh và đối chiếu các đối tượng theo từng tiêu chí.  + So sánh tổng thể các đối tượng: Người viết lần lượt trình bày biểu hiện của tất cả các tiêu chí ở từng đối tượng.  - Văn bản trình bày thông tin theo cách so sánh và đối chiếu có thể sử dụng một số từ ngữ chỉ sự giống nhau (giống, mỗi, cũng…) và khác nhau (khác với, nhưng, mặt khác…) hoặc sử dụng một số kiểu sơ đồ, bảng biểu để làm rõ thông tin được so sánh, đối chiếu.  **2. Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.**  - Đoạn văn là đơn vị tạo nên văn bản, thường do nhiều cân tạo thành, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng dấu ngắt đoạn. Câu chủ đề trong đoạn văn mang nội dung khái quát, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn.  + Đoạn văn diễn dịch: là đoạn văn có câu chủ đề mang ý khái quát đứng đầu đoạn; các câu còn lại triển khai cụ thể ý của cây chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề.  + Đoạn văn quy nạp: là đoạn văn được trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát. Theo cách trình bày này, câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn.  + Đoạn văn song song là đoạn văn mà các câu triển khai nội dung song song nhau. Mỗi câu trong đoạn văn nêu một khía cạnh của chủ đề đoạn văn, làm rõ cho nội dung đoạn văn.  + Đoạn văn phối hợp: là đoạn văn có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên là gì?  - Đối với kiểu văn bản này cần lưu ý những yêu cầu nào?  - Trình bày các bước để viết một bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **2. Kiểu bài viết**  - Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  **Gv tổ chức cho Hs hoạt động cá nhân**  Nhắc lại những nội dung mà em đã thực hành trong bài nói và nghe.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thành câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **3. Những nội dung đã thực hành nói và nghe**  - Nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó. |

**C.  HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**GV** tổ chức cho Hs tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của Gv.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của Hs

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 1 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Trình bày đặc điểm của văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.  **Câu 2 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Tóm tắt hai văn bản Bạn đã biết gì về sóng thần? và Sao băng là gì và những điều cần biết về sao băng? theo các nội dung sau: mục đích viết, nội dung chính, cấu trúc, cách trình bày thông tin, nhan đề và đề mục, thông tin cơ bản và một số thông tin chi tiết, phương tiện phi ngôn ngữ.  **Câu 3 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Xác định cấu trúc và câu chủ đề (nếu có) của đoạn văn sau:  Nhân dân lao động, đặc biệt nông dân là những người gần sen, hiểu sen, yêu sen và giống sen nhiều nhất. Họ đã đưa sen vào ca dao biết bao nhiêu lần, mỗi lần một cách, mà lần nào cũng hay, cũng đẹp. Xét về nội dung và ý nghĩa tượng trưng, ẩn dụ thì hình tượng sen trong nhiều bài ca dao nói chung, cũng như câu “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn” nói riêng, đã phản ánh trung thực lẽ sống cao đẹp của con người Việt Nam từ ngàn đời nay.  (Theo Hoàng Tiến Lựu, Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen”)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội. | **III. Luyện tập**  **Câu 1:**  Đặc điểm của văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên:  - Viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên.  - Có cấu trúc thường gồm 3 phần:  + Phần mở đầu: giới thiệu khái quát hiện tượng và quá trình xảy ra hiện tuợng trong thế giới tự nhiên.  + Phần nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng.  + Phần kết thúc: trình bày sự việc cuối của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.  - Các từ ngữ sử dụng trong văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thường thuộc một chuyên ngành khoa học cụ thể (địa lí, sinh học…) động từ miêu tả hoạt động hoặc trạng thái, từ ngữ miêu tả trình tự.  **Câu 2:**  - Bạn đã biết gì về sóng thần?  + Mục đích viết: Để người đọc cập nhật thông tin cơ bản về sóng thần.  + Nội dung chính: Giải thích và trình bày cơ chế, nguyên nhân dẫn đến sóng thần.  + Cấu trúc: 3 phần  Mở bài: giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra hiện tuợng sóng thần.  Nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng sóng thần.  Kết thúc: trình bày sự việc cuối của hiện tượng sóng thần.  + Cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.  + Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.  - Sao băng là gì và những điều cần biết về sao băng?  + Mục đích viết: Để người đọc cập nhật thông tin cơ bản về sao băng và mưa sao băng.  + Nội dung chính: Giải thích và trình bày cơ chế, nguyên nhân dẫn đến sao băng và mưa sao băng.  + Cấu trúc: 3 phần  Mở bài: giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra sao băng và hiện tuợng mưa sao băng.  Nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng sao băng và mưa sao băng.  Kết thúc: trình bày sự việc cuối của hiện tượng mưa sao băng.  + Cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.  + Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.  **Câu 3:**  **Nhân dân lao động, đặc biệt nông dân là những người gần sen, hiểu sen, yêu sen và giống sen nhiều nhất**. Họ đã đưa sen vào ca dao biết bao nhiêu lần, mỗi lần một cách, mà lần nào cũng hay, cũng đẹp. Xét về nội dung và ý nghĩa tượng trưng, ẩn dụ thì hình tượng sen trong nhiều bài ca dao nói chung, cũng như câu “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn” nói riêng, đã phản ánh trung thực lẽ sống cao đẹp của con người Việt Nam từ ngàn đời nay.  (Theo Hoàng Tiến Lựu, Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen”)  - Câu chủ đề: Nhân dân lao động, đặc biệt nông dân là những người gần sen, hiểu sen, yêu sen và giống sen nhiều nhất  - Cấu trúc: diễn dịch. |

**D.  HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**GV** tổ chức cho Hs tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của Gv.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của Hs

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 5 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Chia sẻ những kinh nghiệm em đã thu nhận được về cách nắm bắt nội dung chính khi thảo luận nhóm và trình bày lại những nội dung ấy một cách hiệu quả.  **Câu 6 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Từ những điều đã học trong bài học này, em hãy trả lời câu hỏi: Sự kì bì của thế giới tự nhiên gợi cho em những suy nghĩ gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội. | **III. Luyện tập**  **Câu 5:**  Những kinh nghiệm em đã thu nhận được về cách nắm bắt nội dung chính khi thảo luận nhóm và trình bày lại những nội dung ấy một cách hiệu quả là:  - Đưa ra ý kiến cá nhân.  - Tiếp thu, lắng nghe ý kiến của các thành viên trong nhóm.  - Tham khảo sách báo và những tài liệu có liên quan đến nội dung trình bày.  - Trình bày tự tin  - …  **Câu 6:**  Sự kì bì của thế giới tự nhiên gợi cho em những suy nghĩ:  - Là nơi chứa đựng nhiều bí mật thú vị, bất ngờ của thế giới tự nhiên.  - Chúng ta cần phải đầu tư phát triển ngành khoa học thiên văn để tìm hiểu và phát hiện những điều mới mẻ và đẹp đẽ hơn của thế giới tự nhiên.  - … |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**